

Số: /QĐ-STNMT

Quảng Bình, ngày tháng năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Công nhận kết quả tuyển dụng viên chức sự nghiệp năm 2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Bình

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH QUẢNG BÌNH

Căn cứ Luật số 58/2010/QH 12, ngày 15/11/2010 của Quốc hội về Luật Viên chức; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức, Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Thông tư số 06/2020/TT-BNV ngày 02/12/2020 của Bộ Nội vụ ban hành Quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức; thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức; thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức;

Căn cứ Quyết định số 44/2021/QĐ-UBND ngày 23/11/2021 của UBND tỉnh Quảng Bình ban hành quy định một số nội dung về phân công, phân cấp tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý của UBND tỉnh Quảng Bình;

Căn cứ Quyết định số 51/2021/QĐ-UBND ngày 29/12/2021 của UBND tỉnh Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Bình;

Căn cứ Công văn số 1708/SNV-CBCCVC ngày 26/9/2022 của Sở Nội vụ về việc thẩm định Kế hoạch tuyển dụng viên chức năm 2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 690/QĐ-STNMT ngày 28/9/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường ban hành Kế hoạch tuyển dụng viên chức sự nghiệp năm 2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Bình;

Căn cứ Quyết định số 704/QĐ-STNMT ngày 03/10/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường ban hành Quy chế xét tuyển viên chức sự nghiệp năm 2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Bình;

Căn cứ Quyết định số 709/QĐ-STNMT ngày 04/10/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc thành lập Hội đồng xét tuyển viên chức sự nghiệp năm 2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Bình;

Căn cứ kết quả xét tuyển viên chức của Hội đồng xét tuyển viên chức sự nghiệp năm 2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường và theo đề nghị của Chánh Văn phòng Sở.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận kết quả tuyển dụng viên chức sự nghiệp năm 2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Bình đối với 30 ông (bà) (*có danh sách kèm theo*).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Sở, Hội đồng xét tuyển viên chức sự nghiệp năm 2022, các đơn vị liên quan và các ông (bà) có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Sở Nội vụ;
- Lãnh đạo Sở;
- Trung tâm CNTTMT tỉnh (đăng tải Website);
- Thanh tra Sở;
- Lưu: VT, VP, HSXT.

GIÁM ĐỐC**Nguyễn Huệ**

DANH SÁCH**Công nhận kết quả tuyển dụng viên chức năm 2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường**

T T	Họ và tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Chỗ ở hiện nay	MS dự tuyển	Trình độ	Điểm sát hạch
I	Trung tâm Quan trắc tài nguyên và môi trường						
1	Nguyễn Thị Thúy Nga	Nữ	13/8/1997	Số nhà 23 đường Lê Thành Đồng, phường Hải Thành, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình	QTM T 2.8	Cử nhân chuyên ngành Quản lý tài nguyên và môi trường	96,0
2	Trần Phương Thảo	Nữ	06/11/1999	41 Tôn Thất Tùng, phường Nam Lý, Đồng Hới, Quảng Bình	QTM T 2.11	Cử nhân kinh tế	94,5
2	Phan Thị Hồng Vui	Nữ	18/11/1999	TDP Liên Cơ, thị trấn Lê Ninh, huyện Lê Thủy, Quảng Bình	QTM T 2.8	Kỹ sư ngành quản lý tài nguyên và môi trường	94,0
II	Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường						
4	Trương Thục Linh	Nữ	10/02/1994	Tổ dân phố 2, Đồng Phú, Đồng Hới, Quảng Bình	KTT N 2.8	Cử nhân kế toán	92,0
5	Phạm Thị Vân Trang	Nữ	20/02/1995	Thôn Trung nghị 5, xã Nghĩa Ninh, Đồng Hới, Quảng Bình	KTT N 2.8	Cử nhân Luật	95,0
III	Trung tâm Phát triển quỹ đất						
6	Nguyễn Chung Hồng Nhung	Nữ	19/4/1997	36 Nguyễn Thiện Thuật, phường Nam Lý, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình	PTQĐ 2.10	Cử nhân Luật, Cử nhân Quản lý tài nguyên và Môi trường	91,0
7	Phạm Thị Thanh Phương	Nữ	28/7/1997	16/20 đường Đồng Hải, phường Hải Thành, Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình	PTQĐ 2.3	Cử nhân Luật	91,5
IV	Văn phòng Đăng ký đất đai						
8	Lê Thương Diệu	Nữ	05/5/1995	122 Quang Trung, phường Phú Hải, Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình	VPĐK 2.5	Kỹ sư Quản lý đất đai	86,0
9	Đặng Đức Thành	Nam	25/5/1994	73 Phan Đình Phùng, phường Bắc Lý, Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình	VPĐK 2.5	Cử nhân Luật kinh tế	81,5

10	Hoàng Thị Hoài Trang	Nữ	28/10/1997	223 Nguyễn Văn Cừ, phường Đức Ninh Đông, Đồng Hới, Quảng Bình	VPĐK 2.2	Kỹ sư Quản lý đất đai	80,5
11	Nguyễn Thị Hoàn	Nữ	14/3/1996	Thôn Tân An, xã Quảng Thanh, Quảng Trạch, Quảng Bình	VPĐK 2.9	Kỹ sư Quản lý đất đai	78,5
12	Nguyễn Thị Lê Huyền	Nữ	10/6/1998	Thôn Hiến Vinh, Xã Duy Ninh, Quảng Ninh, Quảng Bình	VPĐK 2.7	Kỹ sư Quản lý đất đai	76,0
13	Nguyễn Thị Liễu	Nữ	10/10/1995	Thôn Phúc Tự Tây, xã Đại Trạch, Bố Trạch, Quảng Bình	VPĐK 2.9	Kỹ sư Quản lý đất đai	82,5
14	Nguyễn Nữ Như Thảo	Nữ	04/8/1996	xã Đại Trạch, huyện Bố Trạch, Quảng Bình	VPĐK 2.9	Kỹ sư Quản lý đất đai	78,5
15	Hà Thị Ngọc Trinh	Nữ	03/4/1996	Khu tập thể Trại giam Đồng Sơn, phường Đồng Sơn, Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình	VPĐK 2.9	Kỹ sư Quản lý đất đai	79,0
16	Nguyễn Lê Thái Anh	Nam	25/5/1996	TDP Cù Lạc 1, thị trấn Phong Nha, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình	VPĐK 2.10	Kỹ sư Quản lý đất đai	84,0
17	Võ Văn Dương	Nam	13/9/1999	TDP 11, phường Bắc Lý, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình	VPĐK 2.10	Kỹ sư Quản lý đất đai	80,5
18	Trần Phan Mỹ Hạnh	Nữ	30/01/1993	174 đường Hùng Vương, KP5, phường Ba Đồn, thị xã Ba Đồn, Quảng Bình	VPĐK 2.10	Kỹ sư Quản lý đất đai	91,0
19	Cao Văn Phong	Nam	02/02/1991	Số 11 đường Mai Thúc Loan, TDP2, phường Đồng Phú, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình	VPĐK 2.10	Cử nhân chuyên ngành tài chính, Kỹ sư quản lý đất đai	91,5
20	Văn Mạnh Khánh Toàn	Nam	17/02/1991	Xóm 3, Văn La, xã Lương Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình	VPĐK 2.12	Cử nhân Luật	93,0
21	Hà Thị Thùy Trinh	Nữ	16/5/1990	Thôn Vĩnh Tuy 4, xã Vĩnh Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình	VPĐK 2.12	Cử nhân Luật	95,0
22	Trần Đình Thắng	Nam	12/4/1996	TDP Đồng Đình, phường Đồng Hải, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình	VPĐK 2.12	Cử nhân Luật	78,0

23	Nguyễn Hồng Khánh	Nam	14/11/1983	Thôn 4, xã Lộc Ninh, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình	VPĐK 2.12	Cử nhân Luật	78,0
24	Nguyễn Huyền Trang	Nữ	21/10/1993	29 Nguyễn Đức Cảnh, phường Đồng Hải, Đồng Hới, Quảng Bình	VPĐK 2.14	Kỹ sư Quản lý đất đai	80,5
25	Phạm Tư Duy	Nam	22/3/1991	Thôn 7 Phú Xá, xã Lộc Ninh, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình	VPĐK 2.17	Kỹ sư Quản lý đất đai	80,5
26	Đoàn Thị Thanh Hiền	Nữ	12/11/1998	24 Chu Văn An, phường Ba Đồn, thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình	VPĐK 2.17	Kỹ sư Quản lý đất đai	78,0
27	Nguyễn Thị Hạnh	Nữ	25/6/1996	Thôn Tam Đa, xã Quảng Lưu, huyện Quảng Trạch, Quảng Bình	VPĐK 2.17	Kỹ sư Quản lý đất đai	83,5
28	Lê Tiến Mạnh	Na	20/3/1995	Xã Thạch Hóa, huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình	VPĐK 2.15	Kỹ sư Quản lý đất đai	73,0
29	Trần Anh Nam	Nam	08/4/1998	Số nhà 16, ngõ 84 đường Lê Thành Đồng, Đồng Hới, Quảng Bình	VPĐK 3.7	Cử nhân Luật	70,0
30	Mai Trung Đức	Nam	21/6/1998	TDP4, phường Bắc Lý, thành phố Đồng Hới, Quảng Bình	VPĐK 3.7	Cử nhân Luật kinh tế	75,5